TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 1 · Đề số 29

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu ngôi sao trong hình?



A. 4 **B.** 2 **C.** 5 **D.** 3

Câu 2. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 3 + 1 − 1 là:

A. 3 **B.** 1 **C.** 5 **D.** 6

Câu 3. *(0,5 điểm)* Hình nào dưới đây là hình chữ nhật?

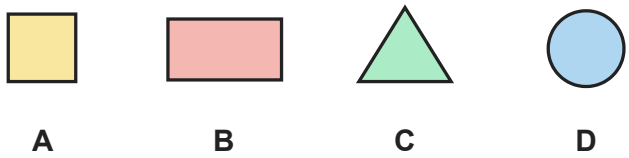

A. Hình A **B.** Hình B **C.** Hình C **D.** Hình D

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số liền sau của số 8 là:

A. 9 **B.** 8 **C.** 7 **D.** 10

Câu 5. *(0,5 điểm)* Chiếc cặp ở dưới cái ghế. Vậy cái ghế ở đâu so với chiếc cặp?

A. ở bên phải **B.** ở bên trái **C.** ở dưới **D.** ở trên

Câu 6. *(0,5 điểm)* Trong các số 7, 3, 5, 6, số lớn nhất là:

A. 6 **B.** 3 **C.** 5 **D.** 7

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: …… + 4 = 9

A. 7 **B.** 5 **C.** 4 **D.** 3

Câu 8. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền tiếp vào dãy số: 10, 9, 8, 7, …… là:

A. 5 **B.** 3 **C.** 8 **D.** 6

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 9 + 1 = 10	
b) 8 + 1 = 9	
c) 7 − 1 = 5	
d) 7 + 3 = 9	

Câu 10. *(1 điểm)* Cho các số: 3, 8, 10, 5.

a) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn: …… ; …… ; …… ; ……

b) Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé: …… ; …… ; …… ; ……

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 4, 5, ……, ……, 8, 9

b) 5, ……, 3, ……, 1, 0

Câu 12. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

a) 0 …… 7

b) 2 + 6 …… 8

c) 4 − 3 …… 0

d) 8 …… 1 + 5

Câu 13. *(1 điểm)* Dưới ao có 8 con vịt. Có 3 con vịt lên bờ. Dưới ao còn lại bao nhiêu con vịt?

a) Phép tính: …… − …… = ……

b) Trả lời: Còn lại …… con vịt.

Câu 14. *(1 điểm)* Đếm hình:

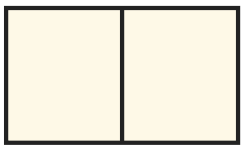

a) Hình bên có …… hình chữ nhật.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 1 · Đề số 29

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	B	A	D	D	B	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) S

Câu 10.

a) Từ bé đến lớn: 3, 5, 8, 10.

b) Từ lớn đến bé: 10, 8, 5, 3.

Câu 11.

a) 4, 5, 6, 7, 8, 9

b) 5, 4, 3, 2, 1, 0

Câu 12.

a) $0 < 7$

b) $2 + 6 = 8$

c) $4 - 3 > 0$

d) $8 > 1 + 5$

Câu 13.

a) $8 - 3 = 5$

b) Còn lại 5 con vịt.

Câu 14.

Có 2 hình chữ nhật nhỏ và 1 hình chữ nhật lớn: 3 hình chữ nhật.